

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/DS-ST.

Ngày: 09/8/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hụi và vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát.
2. Ông Nguyễn Thành Lễ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tâm Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (theo giấy ủy quyền ngày 21/12/2018); có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1978, vắng mặt.

Anh Trần Trung H, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố N, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn A trình bày: Do có mối quan hệ cô cháu, bà T là cô thứ bảy của chị H. Chị H có tham gia nhiều dây hội do bà T làm chủ thảo, chị H đã hốt hội và còn nợ lại số tiền 116.250.000 đồng. Để tạo điều kiện cho chị H trả số tiền nợ trên, bà Thảo đồng ý cho chị H tham gia dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 15/6 (sau) /2017 âm lịch (mãn hội ngày 15/5/2019 âm lịch), gồm 24 phần, chị H tham gia 1 phần, kêu 1.200.000 đồng, hốt đầu được số tiền 85.150.000 đồng. Chị H có ký nhận tiền nhưng số tiền đó được khấu trừ vào số tiền mà chị H còn nợ bà T của các dây hội trước đây, khi khấu trừ xong thì chị H vẫn còn nợ lại bà T số tiền 31.000.000 đồng và phải đóng hội chết của dây hội này. Sau khi hốt hội chị H có đóng hội chết nhiều lần, mỗi lần 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, hai bên có chốt số tiền hội chết mà chị H còn nợ đến ngày 13/5/2018 âm lịch là 35.000.000 đồng. Từ ngày 13/5/2018 âm lịch đến khi mãn hội ngày 15/5/2019 âm lịch, chị H còn nợ lại 13 lần hội chết mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Ngoài ra trong tháng 5-6 /2018 chị H còn mượn bà T số tiền 50.000.000 đồng để điều trị bệnh cho con. Tổng cộng chị H còn nợ số tiền là 180.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu chị H, anh H trả số tiền 180.000.000 đồng trong đó số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hội là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Bích H trình bày: Chị H thừa nhận có tham gia chơi nhiều lần hội của bà Lê Thị T là cô ruột thứ bảy của chị, chị đã hốt hội và còn thiếu lại bà T số tiền nợ hội. Đến ngày 15/6 sau/2017 âm lịch, chị tham gia dây hội 5.000.000 đồng, chị hốt đầu được 85.150.000 đồng, khấu trừ vào số tiền trước đây còn thiếu thì chị còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng. Ngoài ra chị có mượn số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 13/5/2018, hai bên tính toán gút nợ, chị còn nợ số tiền 115.000.000 đồng. Hiện chị còn nợ lại 13 lần hội chết tính từ ngày 13/5/2018 đến khi mãn hội số tiền 65.000.000 đồng. Tổng cộng chị còn nợ 180.000.000 đồng, nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin bà T giảm cho chị số tiền hội chết của 4 lần còn lại là 20.000.000 đồng. Chị đồng ý trả số tiền 160.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện trả 1 lần nên xin trả dần Hng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn anh Trần Trung H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng nhưng anh H không đồng ý nhận, không có ý kiến trình bày vì cho rằng anh không liên quan gì đến việc chơi hội giữa chị H và bà T.

Tại phiên tòa, anh Ân là người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên ý kiến của bà T tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2019 yêu cầu vợ chồng chị H, anh H trả số tiền 160.000.000 đồng, trong đó số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hội

110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị H, anh H vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Điều 471; Bộ luật dân sự 2015: Điều 27 Luật HNGĐ, Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc chị H, anh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 160.000.000 đồng, trong đó tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hui 110.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất. Và chị H anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Bích H và anh Trần Trung H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị H, anh H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T yêu cầu chị H, anh H trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hui 130.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Huỳnh Văn Ân yêu cầu chị H, anh H trả số tiền 160.000.000 đồng gồm tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hui 110.000.000 đồng. Xét thấy căn cứ giấy hui 5.000.000 đồng vào ngày 15-6-2017 Âm lịch, nội dung thể hiện: Hui gồm 24 phần, Bích H tham gia 1 phần; giấy tính tiền đăng hui 5.000.000 đồng, khai ngày 15/6 sau/2017 thể hiện chị H ký nhận hót hui số tiền 85.150.000 đồng. Nhưng chị H có nợ trước đó số tiền 116.250.000 đồng, nên được cân trừ số tiền 85.150.000 đồng, chị H còn nợ lại 31.100.000 đồng; Giấy gút nợ ngày 13/5/2018 (BL29) thể hiện chị H còn nợ bà T số tiền 115.000.000 đồng và tiền hui không đóng từ ngày 18/5/2018 đến 11/5/2019 là 13 tháng, số tiền 65.000.000 đồng. Tổng cộng chị H nợ bà T số tiền 180.000.000 đồng. Đồng thời trong quá trình giải

quyết vụ án chị H thừa nhận còn nợ bà T số tiền 180.000.000 đồng, trong đó tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi 130.000.000 đồng, chị H xin bà T giảm số tiền nợ hụi 4 lần 20.000.000 đồng, và bà T đồng ý giảm. Do đó có cơ sở xác định số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi 110.000.000 đồng là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà T và người đại diện theo ủy quyền ông Ân không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với việc bà Lê Thị T yêu cầu anh Trần Trung H chồng chị Lê Thị Bích H có trách nhiệm trả nợ vì chị H hốt hụi của bà T để lấy tiền sử dụng chung trong gia đình lo cho con cái ăn học và số tiền vay để điều trị bệnh cho con, ngoài ra có lần anh H đem tiền đến nhà đóng hụi cho bà T. Xét thấy anh H là chồng của chị H hiện đang chung sống với chị H (trong thời kỳ hôn nhân), cũng như tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2019 chị H trình bày việc chơi hụi này là do chị và bà T thỏa thuận tham gia chơi với nhau, anh H chồng chị không biết, còn đối với số tiền chị hốt hụi để sử dụng vào việc kinh doanh buôn bán trái cây tại nhà để kiếm thu nhập chi tiêu gia đình và lo cho con, anh H biết việc kinh doanh này của chị, mọi việc trong nhà đều do tôi quán xuyến, ngoài ra chị H còn phải lo việc ăn uống học hành của con cái nên lúc khó khăn mới không có tiền trả đủ cho bà T. Do đó có cơ sở buộc anh H cùng có trách nhiệm liên đới với chị H trả cho bà T số tiền nợ.

[5] Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc chị H, anh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 160.000.000 đồng, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận

Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T buộc chị Lê Thị Bích H, anh Trần Trung H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 160.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi 110.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án chị H, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, bà T không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật HNGĐ; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về hụi; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với chị Lê Thị Bích H, anh Trần Trung H

Buộc chị H, anh H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 160.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hui 110.000.000 đồng.

Ghi nhận anh bà T không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí:

Chị H, anh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006438 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh TN;
- VKSNDTP. TN;
- CCTHADSTP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thái Thanh Thủy